

## Một số vấn đề về đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam

Trần Mai Ước\*

Việt Nam hiện là một trong số 12 nước có tốc độ phát triển nhanh nhất thế giới. Thời gian 5 năm qua, từ năm 2001-2005, nền kinh tế của Việt Nam được xem là một trong những điển hình của sự phát triển. Có được những thành tựu đó chúng ta phải kể tới những nỗ lực của Việt Nam trong việc cải cách kinh tế và môi trường đầu tư. Chính điều này là một trong những nguyên nhân giúp cho luồng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam liên tục gia tăng trong những năm gần đây, nối tiếp đó là một “làn sóng ngầm” đầu tư mới đang đến với chúng ta.

Từ năm 2001-2005, tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tính chung tăng mạnh, tăng trưởng bình quân 5 năm dự kiến đạt 16,2%, kim ngạch xuất khẩu bình quân đầu người năm nay ước đạt 370 USD. Trong đó cơ cấu thị trường xuất khẩu cũng đã có nhiều chuyển biến đáng mừng, thể hiện ở chỗ chúng ta đã giảm dần sự phụ thuộc vào thị trường Châu Á, ổn định xuất khẩu vào thị trường Châu Âu, đặc biệt là tăng nhanh xuất khẩu vào thị trường Mỹ với các mặt hàng mà chúng ta có thế mạnh như thủ công mỹ nghệ, đồ gỗ, nông sản... Ngoài ra, cơ cấu mặt hàng xuất khẩu cũng đã được cải thiện theo hướng tăng các mặt hàng chế biến, giảm tỷ trọng các

sản phẩm thô, tạo một số mặt hàng có khối lượng lớn và thị trường tương đối ổn định, nhìn chung thì các nhóm mặt hàng đều có tốc độ tăng trưởng khá mạnh. Bên cạnh đó việc nhập khẩu hàng hóa về cơ bản đã thực hiện được chủ trương nhập khẩu đảm bảo phục vụ có hiệu quả cho phát triển sản xuất và đổi mới công nghệ, thúc đẩy việc nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của hàng hóa, ngày một đáp ứng được nhu cầu cần thiết của đời sống và xuất khẩu.

Có được những thành tựu như vậy, Việt Nam đã có những nỗ lực rất lớn trong việc thu hút các nguồn vốn đầu tư của nước ngoài. Có thể nói rằng, sau 17 năm thực hiện luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã không ngừng phát triển và trở thành một bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Sau thời kỳ suy giảm do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính khu vực vào năm 1997, nhưng kể từ năm 1992 tới nay, dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam không ngừng gia tăng. Nếu như năm 2002 vốn đăng ký mới đạt 2,8 tỷ USD thì năm 2004 đã đạt 4,2 tỷ USD và trong năm nay dự kiến sẽ đạt 5 tỷ USD. Cho đến nay, Việt Nam đã có 5.563 dự án đầu tư nước ngoài đang hoạt động với tổng số vốn đăng ký đạt trên 48,7 tỷ. Tính riêng 9 tháng

đầu năm nay đã có hơn 490 dự án được cấp giấy phép đầu tư. Tính chung tổng số vốn đăng ký mới trong giai đoạn 2001-2005 dự kiến đạt 18,5 tỷ USD, tăng 68% so với giai đoạn 1996-2000. Hiện nay Việt Nam được xếp hạng thứ 50 trên thế giới về lượng vốn đầu tư thực tế, cao hơn so với nhiều mức của các nước ở trong khu vực.

Việc chúng ta đã ban hành Luật Đầu tư nước ngoài năm 1987 và đã tiếp tục bổ sung sửa đổi 4 lần theo hướng tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài và phù hợp với thông lệ quốc tế đã tạo tiền đề thuận lợi cho các nhà đầu tư nước ngoài đến Việt Nam ngày càng nhiều hơn. Để đạt được kết quả đó, Việt Nam đã rất nỗ lực tự chuyển mình một cách tích cực trong cải cách kinh tế cũng như đáp ứng cho nhu cầu của các nhà đầu tư. Về vấn đề này Chính phủ Việt Nam luôn luôn coi trọng công tác thu hút đầu tư nước ngoài, liên tục cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước, trong đó đặc biệt xem trọng việc triển khai chương trình xây dựng hành lang pháp lý, mà cụ thể là trong năm nay, Quốc hội sẽ thông qua hơn 20 luật, trong đó có Luật Đầu tư chung và Luật Doanh nghiệp, với tư tưởng chính là tạo một sân chơi

*Đại học Ngân hàng TP.HCM (\*)*

bình đẳng, mở rộng quyền tự do kinh doanh cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, đảm bảo các nguyên tắc và thông lệ quốc tế, mở rộng thị trường và hình thức đầu tư.

Bên cạnh việc ngày càng hoàn thiện hệ thống pháp luật, có hai điểm chính dẫn đến việc Việt Nam trở thành thời “*nam châm*” để thu hút các nhà đầu tư. Trước hết, điều mà chúng ta dễ dàng có thể nhận ra đó chính là hệ thống chính sách về đầu tư nước ngoài của Việt Nam có tính hấp dẫn hơn so với các nước khác ở trong khu vực Đông Nam Á, ví dụ như thuế thu nhập của Việt Nam thuộc loại thấp nhất so với các nước ở trong khu vực, hay các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được hưởng rất nhiều chính sách ưu đãi, thuận lợi cho việc phát triển sản xuất và kinh doanh, họ được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hoá nhập khẩu để tạo tài sản cố định. Các dự án sản xuất hàng xuất khẩu được miễn thuế nhập khẩu đối với toàn bộ vật tư, nguyên liệu, hàng hóa. Bên cạnh đó, theo lộ trình của AFTA thì trên tổng thể, thuế nhập khẩu của Việt Nam đang được cắt giảm. Tiếp sau đó là Nhà nước Việt Nam bảo hộ quyền sở hữu vốn đầu tư và các quyền lợi hợp pháp của các nhà đầu tư nước ngoài, từng bước mở cửa thị trường và đa dạng hóa hình thức đầu tư, thể hiện ở chỗ các nhà đầu tư được đầu tư vào hầu khắp các lĩnh vực của nền kinh tế và được lựa chọn hình thức đầu tư phù hợp.

Những nỗ lực đó của Việt Nam đã tạo những ấn tượng tốt

đẹp với các tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp FDI, nhờ đó mà trong thời gian vừa qua nhiều tập đoàn lớn của Nhật Bản như Canon, Honda, Toyota... đã quyết định mở rộng hơn nữa qui mô đầu tư tại Việt Nam, và theo những nhận định của các chuyên gia thì trên thế giới hiện đang có sự chuyển dịch dòng vốn đầu tư từ khu vực này sang khu vực khác, từ nước này sang nước khác và đang có một “*làn sóng*” các nhà đầu tư, nhất là các nhà đầu tư Nhật Bản đang quay trở lại miền đất hứa Việt Nam, mang theo đó là những dự án lớn.

Trong tình hình mới, khi mà thời điểm Việt Nam gia nhập vào Tổ chức thương mại thế giới (WTO) đang cận kề thì chúng ta cần phải “*chạy*” nhanh hơn nữa để không bị tụt hậu và có thể đua và vượt qua một số nước trong khu vực ASEAN và một số nước trên thế giới nhằm thu hút FDI trong thời gian tới, nhất là khi một số lĩnh vực hạ tầng của chúng ta như hàng không, bưu chính - viễn thông... giá còn quá cao!

Ngoài ra vấn đề nguồn nhân lực và chất lượng giáo dục đại học cũng là một yếu tố cạnh tranh quan trọng để thu hút nguồn vốn FDI và phát triển kinh tế nói chung. Để thực sự thu hút được các nguồn vốn đầu tư từ khu vực và trên thế giới, Việt Nam cần phải đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện các cam kết hội nhập của mình, đối với một số dự án cụ thể, có thể xem xét cho phép đầu tư sâu hơn, đặc biệt, chúng ta sẽ thu hút mạnh hơn nguồn vốn FDI từ EU, thêm vào đó là

tính hấp dẫn của Việt Nam cao hơn và các nhà đầu tư có thể đưa ra những quyết định đầu tư lớn hơn, nhất là sau khi chúng ta gia nhập vào WTO.

Đối với Việt Nam, Châu Âu là một đối tác đầu tư chiến lược đứng trên quan điểm thế mạnh về vốn và công nghệ của khu vực này. Các nhà đầu tư EU đã góp phần tạo ra một số ngành nghề, sản phẩm mới có hàm lượng khoa học và công nghệ cao. Chúng ta sẽ thu hút đầu tư của EU vào một số ngành dịch vụ như ngân hàng, bảo hiểm, viễn thông, phân phối, vận tải hàng hải, trong số đó phải nói tới lĩnh vực tài chính ngân hàng vì đây là một trong những ngành đang phát triển mạnh của Việt Nam.

Như vậy, ngoài những yếu tố hấp dẫn về thị trường, hạ tầng, nhân lực... thì chúng ta cần cải tiến mạnh mẽ và có những bước “*đột phá*” về thủ tục đầu tư, nhất là đất đai, kết nối hạ tầng, thêm vào đó là sự cải thiện đáng kể của các ngành công nghiệp và dịch vụ phụ trợ, ngoài ra cũng cần chú trọng việc tăng cường và đổi mới công tác vận động xúc tiến đầu tư nhằm vào các địa bàn trọng điểm, các dự án sử dụng công nghệ cao thuộc các lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế, các tập đoàn xuyên quốc gia. Và để tăng cường thu hút nguồn vốn FDI trong giai đoạn tới, hiện Bộ Kế hoạch và Đầu tư đang cùng các bộ, ngành liên quan tập trung thực hiện Chỉ thị số 13/2005/CP-TTg của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp nhằm tạo chuyển biến mới trong công tác thu hút đầu tư tại nước ta ■